**TIẾT 26. KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức**

- Kiểm tra được những kiến thức cơ bản về trang phục và thời trang

- Từ đó rút kinh nghiệm, điều chỉnh phương pháp giảng dạy phù hợp

**2. Năng lực:**

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh biết tự học, tự lực làm bài

- Năng lực giải quyết vấn đề: học sinh tự biết giải quyết các yêu cầu của bài kiểm tra

b. Năng lực công nghệ:

- Sử dụng công nghệ: Trình bày bài kiểm tra khoa học.

**3. Phẩm chất:**

- Trung thực: tự giác trung thực làm bài…

- Chăm chỉ: Chăm chỉ, trách nhiệm khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GSIỮA HỌC KÌ I**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | | **% tổng điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | | **Số câu hỏi** | | **Thời gian**  **(phút)** |
| **Số CH** | **Thời gian**  **(phút)** | **Số CH** | **Thời gian**  **(phút)** | **Số CH** | **Thời gian**  **(phút)** | **Số CH** | **Thời gian**  **(phút)** | **TN** | **TL** |
| 1 | Nội dung 1:  Trang phục và thời trang | 1.1. Trang phục trong đời sống | 7 | 5,25 | 4 | 6 |  |  |  |  | 11 |  | 11,25 |  |
| 1.2. Sử dụng và bảo quản trang phục | 7 | 5,25 | 4 | 6 |  |  |  |  | 11 |  | 11,25 |  |
| 1.3. Thời trang | 2 | 1,5 | 4 | 6 | 1 | 10 | 1 | 5 | 6 | 2 | 22,5 |  |
| Tổng | | | **16** | 12 | **12** | 18 | **1** | 10 | **1** | 5 | **28** | 2 | 45 | 100 |
| Tỉ lệ (%) | | | 40% |  | 30% |  | 20% |  | 10% |  |  |  |  | 100% |
| Tỉ lệ chung (%) | | | 70% | | | | 30% | | | |  |  |  | 100% |

**BẢN ĐẶC TẢ CƠ SỞ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II MÔN CÔNG NGHỆ 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Trang phục và thời trang** | **1.1. Trang phục trong đời sống** | **Nhận biết**  -Trình bày được vai trò trang phục | **7**    **1** |  |  |  |
| - Nêu được cách phân loại trang phục | **1** |  |  |  |
| -Nêu được đặc điểm của các loại vải thông dụng dùng để may trang phục. | 5 |  |  |  |
| **Thông hiểu**  - Nêu được căn cứ để lựa chọn trang phục phù hợp  - Xác định được những vật dụng là trang phục |  | **4**  **2**  **2** |  |  |
| **Vận dụng**  - Phân loại được trang phục theo tiêu chí khác nhau |  |  |  |  |
| **2** |  | **1.2. Sử dụng và bảo quản trang phục** | **Nhận biết**  - Liệt kê được các cơ sở để lựa chọn trang phục. Từ đó lựa chọn được trang phục phù hợp với bản thân  - Mô tả được đặc điểm của trang phục phù hợp với 1 số hoạt động . | **7**  **5**    **2** |  |  |  |
|  |  |  | **Thông hiểu**  - Trình bày được cách phối hợp trang phục  -Nêu được quan điểm về sử dụng trang phục. |  | **4**  **2**  **2** |  |  |
|  |  |  | **Vận dụng**  - Sử dụng và phối hợp trang phục 1cách hợp lý  - Đánh giá được quá trình sử dụng và bảo quản trang phục của bản thân |  |  |  |  |
| **3** |  | **1.3. Thời trang** | **Nhận biết**  - Nêu được khái niệm thời trang  - Kể tên được các yếu tố ảnh hưởng đến thời trang | **2** |  |  |  |
| **Thông hiểu.**  - Phân biệt được đặc điểm của thời trang trong một số phong cách thời trang cơ bản |  | **4** |  |  |
| **Vận dụng**  -Nhận định được những đặc điểm thể hiện sự thay đổi của thời trang  trang của bản thân |  |  | **1** |  |
|  | -Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề thực tế |  |  |  | **1** |
| **Tổng** | | | | **16** | **12** | **1** | **1** |

**BẢN ĐẶC TẢ CƠ SỞ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II MÔN CÔNG NGHỆ 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Trang phục và thời trang** | 1.1. Trang phục trong đời sống | **Nhận biết**  -Trình bày được vai trò trang phục | **7**  **Câu 1:** Vai trò của trang phục là:  A.Thể hiện cá tính của cá nhân, phong cách độc đáo .Tôn lên vẻ đẹp của người mặc**,** Che chở, bảo vệ cơ thể con người khỏi một số tác động có hại của thời tiết môi trường.  B.Mang đậm bản sắc dân tộc của từng cá nhân, Tôn lên vẻ đẹp của người mặc và một số thông tin cơ bản của người mặc như sở thích, nghề nghiệp .  C.Cho biết một số thông tin cơ bản của người mặc như sở thích, nghề nghiệp. Qua trang phục chúng ta hiểu hơn về tính cách, đặc trưng theo vùng miền .  **D.Che chở, bảo vệ cơ thể con người khỏi một số tác động có hại của thời tiết môi trường,Tôn lên vẻ đẹp của người mặc.Cho biết một số thông tin cơ bản của người mặc như sở thích, nghề nghiệp** |  |  |  |
| - Nêu được cách phân loại trang phục | **(1)**  **Câu 5 (NB):** Trang phục có thể phân loại theo?  A. Theo giới tính, theo thời tiết, vùng miền B. Theo lứa tuổi, kinh tế, vùng miền C. Theo thời tiết, tính cách, kinh tế **D. Theo giới tính, lứa tuổi, thời tiết** |  |  |  |
| Nêu được đặc điểm của các loại vải thông dụng dùng để may trang phục. | (5)  Câu 4 (NB): Đâu là vải sợi pha?  **A. 35% cotton, 65% polyeste** B. 100% silk  C. 100% cotton D. 100% nilon  **Câu 6 (NB)**Trong ngày hè, người ta thường chọn mặc vải tơ tằm vì:  **A. Vải có độ hút ẩm cao, thoáng mát**. B. Vải có độ hút ẩm thấp.  C. Vải phồng, giữ ấm.  Câu 9 (NB): Chọn màu vải để may quần hợp với tất cả các màu của áo là:  A. Màu đen, màu tím B. Màu đen, màu trắng  C. Màu trắng, màu vàng D. Màu đỏ, màu xanh  **Câu 10 (NB):** Đặc điểm nào sau đây thể hiện bề ngoài của trang phục, thể hiện tính thẩm mĩ, tính đa dạng của trang phục?  A. Mốt, hợp thời trang, màu sắc sặc sỡ  **B. Chất liệu, Kiểu dáng, Màu sắc**  C. Mặc vừa vóc dáng người mặc  D. Đáp án khác  **Câu 11 (NB):** "Độ hút ẩm thấp, thoáng mát nên mặc bí vì ít thấm mồ hôi. Tuy nhiên nó bền, đẹp, mau khô và không bị nhàu" là tính chất của loại vải nào?  A. Vải sợi pha B. Vải sợi nhân tạo C. Vải sợi thiên nhiên **D. Vải sợi tổng hợp** |  |  |  |
| **Thông hiểu**  - Nêu được căn cứ để lựa chọn trang phục phù hợp |  | **4**  **Câu 7 (TH):**Yếu tố nào dưới đây được dùng để trang trí, làm tăng vẻ đẹp và tạo hiệu ứng thẩm mĩ cho trang phục?  A. Chất liệu      B. Kiểu dáng  C. Màu sắc        **D. Đường nét, họa tiết**  **Câu 8 (TH):** “*Cần phối hợp trang phục một cách đồng bộ, hài hòa về … của quần áo cùng với một số vật dụng khác*”. Chọn đáp án cần điền vào chỗ trống?  A. Màu sắc  B. Kiểu dáng  **C. Màu sắc, họa tiết, kiểu dáng**  D. Họa tiết |  |  |
| - Xác định được những vật dụng là trang phục |  | **2**  **Câu 2 (TH):** Trong các trang phục sau đây những vật dụng nào là quan trọng nhất?  **A. Quần áo** B. Thắt lưng C. Tất, khăn quàng, mũ D. Giày  **Câu 3** **(TH): Trang phục của lính cứu hỏa có tác dụng**  A. giữ ấm cho người mặc  B. Làm đẹp cho người mặc  **C. Bảo vệ người mặc khỏi nhiệt độ cao và khói bụi**   D Làm mát cho cơ thể |  |  |
| **Vận dụng**  - Phân loại được trang phục theo tiêu chí khác nhau |  |  |  |  |
| **2** |  | 1.2. Sử dụng và bảo quản trang phục | **Nhận biết**  - Liệt kê được các cơ sở để lựa chọn trang phục. Từ đó lựa chọn được trang phục phù hợp với bản thân  - Mô tả được đặc điểm của trang phục phù hợp với 1 số hoạt động . | **7**  **Câu 12 (0,25 điểm):** Chất liệu để may trang phục có sự khác biệt về những yếu tố nào?  A. Độ nhàu; độ dày, mỏng, kiểu may.  **B. Độ bền; độ dày, mỏng; độ nhàu; độ thấm hút mồ hôi.**  C. Độ thấm hút; độ bền; độ nhàu, kiểu may.  D. Độ bền; độ dày, mỏng; độ nhàu, kiểu may  **Câu 15 (0,25 điểm):**Nên chọn vải may áo quần phù hợp với lứa tuổi học sinh  A. vải sợi bông, màu sẫm, hoa nhỏ.  **B. vải sợi pha, màu sắc nhã nhặn(trắng, xanh tím than, xanh lá cây sẫm).**  C. vải sợi bông, màu sáng, hoa văn sinh động.  D. vải dệt kim, màu sẫm, hoa to.  **Câu 20 (0,25 điểm):**Có mấy cách phối hợp trang phục?  A. 1 **B**. 2 C. 3 D. 4  **Câu 21 (0,25 điểm): .**Em nhận biết được những loại trang phục nào trong hình ảnh dưới đây?  A. Trang phục bảo vệ, thời trang, lao động B. Trang phục học sinh, người mẫu, lao động  C. Trang phục giáo viên, lao động, trẻ em **D. Trang phục bảo vệ , giáo viên, học sinh**    **Câu 22 (0,25 điểm):**Sử dụng các bộ trang phục khác nhau tùy thuộc vào:  A. Hoạt động , hoàn cảnh, thời tiết **B. Hoạt động xã hội, thời điểm, hoàn cảnh**  C. Hoàn cảnh xã hội, giao tiếp, D. Lứa tuổi, môi trường, thời điểm  **Câu 13 (0,25 điểm):**Trang phục mang phong cách thể thao có đặc điểm:  A. Thiết kế đơn giản  B. Đường nét tạo cảm giác mạnh mẽ và khỏe khoắn  C. Thoải mái khi vận động  **D. Cả 3 đáp án trên**  **Câu 16 (0,25 điểm:**  Loại trang phục nào có kiểu dáng đơn giản, gọn gàng, dễ mặc, dễ hoạt động; có màu sắc hài hòa; thường được may từ vải sợi pha?  **A. Trang phục đi học**  B. Trang phục lao động  C. Trang phục dự lễ hội  D. Trang phục ở nhà |  |  |  |
|  |  |  | **Thông hiểu**  - Trình bày được cách phối hợp trang phục  -Nêu được quan điểm về sử dụng trang phục. |  | **4**  **Câu 19 (TH):**Để tạo cảm giác gầy đi, cao lên cho người mặc, cần lựa chọn trang phục có đường nét, họa tiết như thế nào?  A. Kẻ ngang    **B. Kẻ dọc**  C. Hoa to       D. Kẻ ô vuông  **Câu 14 (TH):**Để tạo cảm giác béo ra, thấp xuống cho người mặc, không lựa chọn chất liệu vải nào sau đây?  A. Vải cứng  B. Vải dày dặn  C. Vải mềm vừa phải  **D. Vải mềm mỏng**  Câu 17 (TH):  Thế nào là mặc đẹp?  A. Mặc áo quần mốt mới, đắt tiền  B. Mặc áo quần cầu kì, hợp thời trang  C. Mặc áo quần phù hợp với vóc dáng, lứa tuổi, phù hợp với công việc và hoàn cảnh sống  D. Mặc áo quần không phù hợp với vóc dáng  Câu 18 (TH):  Việc lựa chọn trang phục cần dựa trên những yếu tố nào?  **A. Vóc dáng cơ thể, lứa tuổi, mục đích sử dụng, sở thích, điều kiện làm việc, tài chính**.  B. Lứa tuổi, điều kiện làm việc, mốt thời trang.  C. Khuôn mặt, lứa tuổi, mục đích sử dụng.  D. Điều kiện tài chính, mốt thời trang. |  |  |
|  |  |  | **Vận dụng**  - Sử dụng và phối hợp trang phục 1cách hợp lý  - Đánh giá được quá trình sử dụng và bảo quản trang phục của bản thân |  |  |  |  |
| **3** |  | **1.3. Thời trang** | **Nhận biết**  - Nêu được khái niệm thời trang  - Kể tên được các yếu tố ảnh hưởng đến thời trang |  |  |  |  |
| **Thông hiểu.**  - Phân biệt được đặc điểm của thời trang trong một số phong cách thời trang cơ bản |  |  |  |  |
| **Vận dụng**  - Nhận định được những đặc điểm thể hiện sự thay đổi của thời trang  trang của bản thân |  |  | **Câu 29 (2 điểm):**  a.Cho biết phong cách thời trang của các thành viên trong gia đình em là gì?  b.Em thích phong cách của thành viên nào nhất? Vì sao? |  |
|  | **Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề thực tế** |  |  |  | **Câu 30 (1 điểm).**  **Thời trang tái chế** có thể hiểu đơn giản là các loại trang phục làm từ vật liệu đã qua sử dụng được đem đi tái chế, sáng tạo và mang thông điệp bảo vệ môi trường. Em sẽ sử dụng các nguyên liệu nào để tạo ra các bộ trang phục thân thiện với môi trường ? |
| **Tổng** | | | | **16** | **12** | **1** | **1** |

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT THỊ XÃ PHÚ THỌ  **TRƯỜNG THCS HÙNG VƯƠNG** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I**  **NĂM HỌC 2022 - 2023**  **Môn Công nghệ 6**  *(Thời gian 45 phút không kể thời gian giao đề)* |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ II -MÔN CÔNG NGHỆ 6**

**I. Trắc nghiệm khách quan (7 điểm)**

**Câu 1:** Vai trò của trang phục là:

**A.**Thể hiện cá tính của cá nhân, phong cách độc đáo .Tôn lên vẻ đẹp của người mặc**,** Che chở, bảo vệ cơ thể con người khỏi một số tác động có hại của thời tiết môi trường.

**B.** Mang đậm bản sắc dân tộc của từng cá nhân, Tôn lên vẻ đẹp của người mặc và một số thông tin cơ bản của người mặc như sở thích, nghề nghiệp .

**C.** Cho biết một số thông tin cơ bản của người mặc như sở thích, nghề nghiệp. Qua trang phục chúng ta hiểu hơn về tính cách, đặc trưng theo vùng miền .

**D. Che chở, bảo vệ cơ thể con người khỏi một số tác động có hại của thời tiết môi trường, tôn lên vẻ đẹp của người mặc. Cho biết một số thông tin cơ bản của người mặc như sở thích, nghề nghiệp .**

**Câu 2:** Trong các trang phục sau đây những vật dụng nào là quan trọng nhất?

**A. Quần áo B.** Thắt lưng

**C.** Tất, khăn quàng, mũ **D.** Giày

**Câu 3:** **Trang phục của lính cứu hỏa có tác dụng**

**A.** giữ ấm cho người mặc

**B.** Làm đẹp cho người mặc

**C. Bảo vệ người mặc khỏi nhiệt độ cao và khói bụi**

**D.** Làm mát cho cơ thể

**Câu 4 : Đâu là vải sợi pha?**

**A. 35% cotton, 65% polyeste** **B.** 100% silk

**C.** 100% cotton **D.** 100% nilon

**Câu 5 :** Trang phục có thể phân loại theo?

**A.** Theo giới tính, theo thời tiết, vùng miền

**B.** Theo lứa tuổi, kinh tế, vùng miền

**C.** Theo thời tiết, tính cách, kinh tế

**D. Theo giới tính, lứa tuổi, thời tiết**

**Câu 6 :**Trong ngày hè, người ta thường chọn mặc vải tơ tằm vì:

**A. Vải có độ hút ẩm cao, thoáng mát**. **B.** Vải có độ hút ẩm thấp.

**C.** Vải phồng, giữ ấm. **D.** Vải mềm, dễ rách.

**Câu 7:**Yếu tố nào dưới đây được dùng để trang trí, làm tăng vẻ đẹp và tạo hiệu ứng thẩm mĩ cho trang phục?

A. Chất liệu                                                  B. Kiểu dáng

C. Màu sắc                                                   **D. Đường nét, họa tiết**

**Câu 8:** “*Cần phối hợp trang phục một cách đồng bộ, hài hòa về … của quần áo cùng với một số vật dụng khác*”. Chọn đáp án cần điền vào chỗ trống?

A. Màu sắc                                                   B. Kiểu dáng

**C. Màu sắc, họa tiết, kiểu dáng**                         D. Họa tiết

Câu 9 : Chọn màu vải để may quần hợp với tất cả các màu của áo là:

A. Màu đen, màu tím B. Màu đen, màu trắng

C. Màu trắng, màu vàng D. Màu đỏ, màu xanh

**Câu 10 :** Đặc điểm nào sau đây thể hiện bề ngoài của trang phục, thể hiện tính thẩm mĩ, tính đa dạng của trang phục?

A. Mốt, hợp thời trang, màu sắc sặc sỡ

**B. Chất liệu, Kiểu dáng, Màu sắc**

C. Mặc vừa vóc dáng người mặc

D. Vải mềm, dễ rách.

**Câu 11 :** "Độ hút ẩm thấp, thoáng mát nên mặc bí vì ít thấm mồ hôi. Tuy nhiên nó bền, đẹp, mau khô và không bị nhàu" là tính chất của loại vải nào?

A. Vải sợi pha B. Vải sợi nhân tạo

C. Vải sợi thiên nhiên **D. Vải sợi tổng hợp**

**Câu 12 :** Chất liệu để may trang phục có sự khác biệt về những yếu tố nào?

A. Độ nhàu; độ dày, mỏng, kiểu may.

**B. Độ bền; độ dày, mỏng; độ nhàu; độ thấm hút mồ hôi.**

C. Độ thấm hút; độ bền; độ nhàu, kiểu may.

D. Độ bền; độ dày, mỏng; độ nhàu, kiểu may

**Câu 13:**Trang phục mang phong cách thể thao có đặc điểm:

A. Thiết kế đơn giản

B. Đường nét tạo cảm giác mạnh mẽ và khỏe khoắn

C. Thoải mái khi vận động

**D. Cả 3 đáp án trên**

**Câu 14 :**Để tạo cảm giác béo ra, thấp xuống cho người mặc, không lựa chọn chất liệu vải nào sau đây?

A. Vải cứng                                                  B. Vải dày dặn

C. Vải mềm vừa phải                                    **D. Vải mềm mỏng**

**Câu 15:**Nên chọn vải may áo quần phù hợp với lứa tuổi học sinh

A. vải sợi bông, màu sẫm, hoa nhỏ.

**B. vải sợi pha, màu sắc nhã nhặn (trắng, xanh tím than, xanh lá cây sẫm).**

C. vải sợi bông, màu sáng, hoa văn sinh động.

D. vải dệt kim, màu sẫm, hoa to.

**Câu 16:**Loại trang phục nào có kiểu dáng đơn giản, gọn gàng, dễ mặc, dễ hoạt động; có màu sắc hài hòa; thường được may từ vải sợi pha?

**A. Trang phục đi học**                                    B. Trang phục lao động

C. Trang phục dự lễ hội                                D. Trang phục ở nhà

Câu 17 :  Thế nào là mặc đẹp?

A. Mặc áo quần mốt mới, đắt tiền

B. Mặc áo quần cầu kì, hợp thời trang

C. Mặc áo quần phù hợp với vóc dáng, lứa tuổi, phù hợp với công việc và hoàn cảnh sống

D. Mặc áo quần không phù hợp với vóc dáng

Câu 18 :  Việc lựa chọn trang phục cần dựa trên những yếu tố nào?

**A. Vóc dáng cơ thể, lứa tuổi, mục đích sử dụng, sở thích, điều kiện làm việc, tài chính**.

B. Lứa tuổi, điều kiện làm việc, mốt thời trang.

C. Khuôn mặt, lứa tuổi, mục đích sử dụng.

D. Điều kiện tài chính, mốt thời trang.

**Câu 19 :**Để tạo cảm giác gầy đi, cao lên cho người mặc, cần lựa chọn trang phục có đường nét, họa tiết như thế nào?

A. Kẻ ngang                                                 **B. Kẻ dọc**

C. Hoa to                                                     D. Kẻ ô vuông

**Câu 20:**Có mấy cách phối hợp trang phục?

A. 1 **B**. 2 C. 3 D. 4

**Câu 21:**Em nhận biết được những loại trang phục nào trong hình ảnh dưới đây?

A. Trang phục bảo vệ, thời trang, lao động

B. Trang phục học sinh, người mẫu, lao động

C. Trang phục giáo viên, lao động, trẻ em

**D. Trang phục bảo vệ , giáo viên, học sinh**

****

**Câu 22:**Sử dụng các bộ trang phục khác nhau tùy thuộc vào:

A. Hoạt động , hoàn cảnh, thời tiết

**B. Hoạt động xã hội, thời điểm, hoàn cảnh**

C. Hoàn cảnh xã hội, giao tiếp,

D. Lứa tuổi, môi trường, thời điểm

**Câu 23:** Thời trang là gì?

**A. Là những kiểu trang phục được sử dụng phổ biến trong xã hội vào 1 khoảng thời gian nhất định.**

B. Là phong cách ăn mặc của cá nhân mỗi người

C. Là hiểu và cảm thụ cái đẹp

D. Là sự thay đổi các kiểu quần áo, cách ăn mặc được số đông ưa chuộng trong một thời gian

**Câu 24:**   **Các yếu tố nào sau đây ảnh hưởng đến sự thay đổi** **của thời trang:**

A. Giáo dục

B. Phong cách

**C. văn hóa, xã hội, kinh tế, khoa học, công nghệ**

D. Màu sắc

**Câu 25:**Phong cách thời trang nào có nét đặc trưng của trang phục dân tộc về hoa văn, chất liệu, kiểu dáng?

A. Phong cách cổ điển

B. Phong cách thể thao

**C. Phong cách dân gian**

D. Phong cách lãng mạn

**Câu 26:**  Phong cách thời trang nào thường được sử dụng để đi học, đi làm, tham gia các sự kiện có tính chất trang trọng?

**A. Phong cách cổ điển**

B. Phong cách thể thao

C. Phong cách dân gian

D. Phong cách lãng mạn

**Câu 27:**  Phong cách thời trang nào thể hiện sự nhẹ nhàng, mềm mại thông qua các đường cong, đường uốn lượn; thường sử dụng cho phụ nữ là phong cách thời trang nào dưới đây?

A. Phong cách cổ điển

B. Phong cách thể thao

C. Phong cách dân gian

**D. Phong cách lãng mạn**

**Câu 28 :** Phong cách thời trang nào có thiết kế đơn giản, đường nét tạo cảm giác mạnh mẽ và khỏe khoắn; thoải mái khi vận động?

A. Phong cách cổ điển

**B. Phong cách thể thao**

C. Phong cách dân gian

D. Phong cách lãng mạn

**II. Phần Tự luận**

**Câu 29:**

a. Cho biết phong cách thời trang của các thành viên trong gia đình em là gì?

b. Em thích phong cách của thành viên nào nhất? Vì sao?

**Câu 30: Thời trang tái chế** có thể hiểu đơn giản là các loại trang phục làm từ vật liệu đã qua sử dụng được đem đi tái chế, sáng tạo và mang thông điệp bảo vệ môi trường. Em sẽ sử dụng các nguyên liệu nào để tạo ra các bộ trang phục thân thiện với môi trường ?

**ĐÁP ÁN CHI TIẾT VÀ THANG ĐIỂM TỪNG PHẦN**

1. **PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7 Đ)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **D** | **A** | **C** | **A** | **D** | **A** | **D** | **C** | **B** | **B** |
| **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
| **D** | **B** | **D** | **D** | **B** | **A** | **C** | **A** | **B** | **B** |
| **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** |  |  |
| **D** | **B** | **A** | **C** | **C** | **A** | **D** | **B** |  |  |

1. **PHẦN TỰ LUẬN( 3 Đ)**

**Câu 29 (2,0 điểm):**

1. Giáo viên

- Bố em là công nhân: Trang phục thường mặc là trang phục lao động, có đặc điểm may rộng rãi, sẫm màu. **(0,5 đ)**

- Mẹ em là giáo viên: Trang phục thường mặc là trang phục công sở ( áo sơ mi sáng màu, quần âu **.(0,5 đ)**

- Em là học sinh: Trang phục là đồng phục hoặc áo trắng, quần sẫm màu.**(0,5 đ)**

- Em trai 5 tuổi: Trang phục nhiều màu sắc thấm hút mồ hôi**(0,5 đ)**

b. HS trả lời theo cá nhân

Gợi ý câu trả lời: Em thích phong cách thể thao vì thiết kế thường đơn giản, đường nét tạo cảm giác mạnh mẽ và khoẻ khoắn, thoải mái khi vận động và thể hiện được cá tính của em. **(1đ)**

**Câu 30 (1 điểm).**

Các nguyên liệu thời trang tái chế: nilong, giấy, chai nhựa, vở lon, …………….Sử dụng các nguyên liệu tái chế sẽ giúp giảm thải ô nhiễm môi trường.